|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG PTDTBT THCS PU NHI**  Số: 22/KH-CM | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Pu Nhi, ngày 09 tháng 9 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH**

**Về việc nâng cao chất lượng giáo dục**

**Năm học 2024 – 2025**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ vào Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, quy định chức năng; nhiệm vụ; quyền hạn của Hiệu trưởng trường Trung học;

Căn cứ văn bản số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 7672/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 08 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên Đông;

Căn cứ văn bản số 706/KH-PGDĐT, ngày 01 tháng 8 năm 2024 của phòng GDĐT về Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cấp học mầm non, phổ thông năm học 2024-2025;

Căn cứ văn bản số 794/KH-PGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Phòng GDĐT, V/v Kế hoạch Triển khai Học bạ số Ngành Giáo dục huyện Điện Biên Đôngnăm học 2023-2024;

Căn cứ văn bản số 806/HD-PGDĐT ngày 26/8/2024, của Phòng GDĐT Điện Biên Đông V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Quản lý chất lượng cấp THCS năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-PTDTBTTHCSPUN, ngày 04/9/2024 của trường PTDTBT THCS Pu Nhi về Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025;

**2. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường**

**2.1. Đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên.**

Tổng số: 41 CB-GV-NV

Trong đó BGH: 3 đ/c. Trình độ: Ths: 02; ĐH: 01.

Giáo viên: 33 đ/c. Trình độ: Đại học: 32, Cao đẳng: 01.

NV: 03 đ/c. Trình độ: Đại học 02, Trung cấp: 03.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **TS** | **Nữ** | **DT** | **Đảng viên** | **Trình độ chuyên môn** | | | | | | **Biên chế** | **Hợp đồng** |
| **ThS** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **SC** | **CQĐT** |
| **1. Ban giám hiệu** | **3** | **2** |  | **3** | **2** | **1** |  |  |  |  | **3** |  |
| Hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  |  | 2 |  |
| **2. GV giảng dạy** | **33** | **20** | **8** | **27** |  | **32** | **1** |  |  |  | **33** |  |
| Toán | 4 | 1 | 1 | 2 |  | 4 |  |  |  |  | 4 |  |
| Vật lý | 2 |  | 1 | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| Hóa | 2 | 2 |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| Sinh | 3 | 3 |  | 3 |  | 3 |  |  |  |  | 3 |  |
| Văn | 8 | 7 |  | 4 |  | 7 |  |  |  |  | 8 |  |
| Sử | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| Địa | 2 | 2 | 2 | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| Tiếng Anh | 2 | 1 |  | 1 |  | 1 | 1 |  |  |  | 2 |  |
| GDCD | 1 | 1 | 1 | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| GDTC | 2 |  | 1 | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| Âm Nhạc | 1 |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| Mỹ Thuật | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| Công nghệ | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| Tin học | 2 | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |
| **3. TPT Đội TNTP HCM** | **1** | **1** | **1** |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Bán chuyên trách | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4. Nhân viên** | **5** | **4** | **3** | **4** |  | **3** |  | **2** |  |  | **5** |  |

Xếp loại chuyên môn giáo viên:

* Tổng số 24/33 GVDG các cấp, tỉ lệ 72,7%

+ GVDG cấp trường 16/33 đạt 48,5%,

+ GVDG cấp huyện 07/33 đạt 21,2%,

+ GVDG cấp tỉnh 01/33 đạt 3%.

Giáo viên có chất lượng chuyên môn khá: 9 đc, tỉ lệ 27,3%

**- Đánh giá viên chức**: 41/41 đ/c hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên đạt 100%, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 07 đ/c, HTTNV 34 đ/c;

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp của Hiệu trưởng phó hiệu trưởng đạt mức Tốt. Đánh giá chuẩn nghề nghiệp của giáo viên 33/33 từ khá trở lêm trong đó tốt là 27 đồng chí, khá là 06 đồng chí.

- 100 % giáo viên tham gia bồi dưỡng và hoàn thành các mô đun của Chương trình GDPT 2018 theo quy định; 100 % giáo viên tham gia các buổi hội thảo giới thiệu sách giáo khoa Chương trình 2018 của các nhà xuất bản.

- Tuy nhiên, thực trạng dạy và học của trường PTDTBT THCS Pu Nhi vẫn còn một số tồn tại sau đây:

+ Kinh nghiệm giảng dạy của một số giáo viên chưa đồng đều, một số giáo viên chậm trong quá trình tiếp cận và thực hiện chương trình GDPT 2018. Một số giáo viên chưa chủ động trong công tác nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Việc khai thác, sử dụng đồ dùng dạy học vẫn chưa thực sự hiệu quả. Đồ dùng thiết bị dạy học lớp 6,7,8,9 chưa được cấp.

**2.2. Về quy mô lớp học, số học sinh.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số lớp** | | | **Số học sinh** | | | **Nữ** | **Dân tộc** | **H/s họ nghèo** |  | |
| **KHG** | **Thực hiện** | **Đạt %** | **KHG** | **Thực hiện** | **Đạt %** | **H/s KT** |
| 6 | 4 | 4 | 100 | 142 | 149 | 104,9 | 76 | 149 |  | 1 |
| **7** | 3 | 3 | 100 | 129 | 128 | 99,2 | 57 | 127 |  | 1 |
| 8 | 4 | 4 | 100 | 140 | 140 | 100 | 70 | 140 |  | 4 |
| 9 | 3 | 3 | 100 | 115 | 111 | 96,5 | 53 | 111 |  | 2 |
| **Tổng** | **14** | **14** | 100 | **526** | **528** | **100,4** | ***526*** | ***527*** |  | ***8*** |

**2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở vật chất** | **m2** | **Tổng số** | **Kiên cố** | **Bán kiên cố** | **Tạm** | **Mượn** |
| DT khuôn viên | 8912,7 |  |  |  |  |  |
| Phòng BGH | 72 | 3 | 3 |  |  |  |
| Phòng học văn hóa | 315 | 07 | 07 |  |  |  |
| Phòng học môn KHTN | 90 | 02 | 02 | 2 |  |  |
| Phòng học ngoại ngữ | 45 | 1 | 1 |  |  |  |
| Phòng AN | 45 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng SHC | 30 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng Công nghệ | 45 | 1 | 1 |  |  |  |
| Phòng MT | 45 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng TVHĐ | 20 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng sinh hoạt tổ bộ môn | 48 | 2 |  | 2 |  |  |
| Phòng kế toán | 24 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng đoàn, đội | 24 | 1 |  | 1 |  |  |
| Văn phòng | 45 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng học tin | 30 | 1 | 1 | 1 |  |  |
| Thư viện | 84 | 1 |  | 1 |  |  |
| Kho thiết bị | 24 | 1 |  | 1 |  |  |
| Phòng Bảo vệ | 15 | 1 | 1 |  |  |  |
| Nhà vệ sinh GV | 46 | 2 |  | 2 |  |  |
| Nhà vệ sinh HS | 72 | 2 |  | 1 | **1** |  |
| Nhà xe HS |  |  |  |  |  |  |
| Nhà xe GV | 60 | 1 |  | 1 |  |  |
| Tường bao | 500 | 1 | 1 |  |  |  |
| Sân chơi | 500 | 1 | 1 |  |  |  |
| Bàn ghế HS 2 chỗ ngồi |  | 205 |  |  |  |  |
| Máy tính Phục vụ học tập |  | 20 |  |  |  |  |
| Máy tính phục vụ quản lý |  | 05 |  |  |  |  |
| Máy chiếu đa năng |  | 13 |  |  |  |  |
| Hệ thống nước sạch |  | 1 |  |  | **1** |  |

**2.4. Chất lượng giáo dục học sinh; chất lượng mũi nhon và thi tuyển sinh vào 10**

\* Chất lượng 2 mặt giáo dục:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số HS** | **Số HS được ĐG** | **HẠNH KIỂM** | | | | | | **HỌC LỰC** | | | | | |
| **Tốt** | | **Khá** | | **TB** | | **Giỏi** | | **Khá** | | **TB** | |
| **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** |
| **528** | **520** | **389** | **74,8** | **106** | **20,4** | **25** | **4,8** | **45** | **8,7** | **206** | **39,6** | **269** | **54,7** |

( Chất lượng 2 mặt giáo dục có trừ 08 học sinh khuyết tật không đánh giá)

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp: 528/528 chiếm tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: 111/111 chiếm tỷ lệ 100%.

\* Kết quả thực hiện các cuộc thi:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các cuộc thi** | **Cấp huyện** | | | | **Cấp tỉnh** | | | |
| **Nhất** | **Nhì** | **Ba** | **KK** | **Nhất** | **Nhì** | **Ba** | **KK** |
| Khoa học kĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |
| HS giỏi các môn văn hóa khối 9 |  |  | 1 | 5 |  |  |  | 4 |
| HS thi giao lưu các môn văn hoá lớp 8 | 2 | 0 | 2 | 11 |  |  |  |  |
| Thi tuyển chọn VĐV cấp huyện |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |

\* Học sinh thi THPT (thi vào lớp 10):

- Xếp thứ 33/123 trường.

- Môn toán: Đứng thứ hai trong toàn huyện

- Môn Ngữ văn: Đứng thứ 6 trong toàn huyện

- Môn Ngoại ngữ: Điểm trung bình đạt 2,8

**3. Thuận lợi**

- Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng GD & ĐT, của cấp ủy, chính quyền địa phương và đông đảo phụ huynh học sinh. Nhà trường được giao quyền chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Là trường Phổ thông dân tộc bán trú, với số học sinh hưởng chế độ bán trú theo Nghị định 116 là 425 học sinh. Các em được hưởng tổ chức ăn, ở tại trường nên thuật lợi cho việc dạy học 2 buổi cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục. Nằm trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn nên 100% học sinh được hưởng hỗ trợ chi phí học tập. Đây cũng là một thuận lợi cho nhà trường trong việc tổ chức cho học sinh mua sắm sách giáo khoa, vở viết phục vụ học tập.

- Đội ngũ giáo viên ổn định, nhiệt huyết, có giáo viên giỏi các cấp, giáo viên cốt cán là nòng cốt cho công tác chuyên môn của nhà trường.

- Đa số học sinh chăm ngoan, có ý thức học tập, công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình, các đoàn thể xã hội được quan tâm.

- Thư viện có kho sách phòng phú phục vụ thiết thực cho hoạt động dạy – học.

**4. Khó khăn**

- Chất lượng tuyển sinh đầu cấp thấp, nhiều học sinh hổng kiến thức từ lớp dưới nên ảnh hưởng đến chất lượng ôn tập, ôn thi. Tỷ lệ học sinh chưa Đạt về chuẩn kiến thức kĩ năng vẫn còn; thậm chí còn một số ít đọc, viết, tính toán chậm

- Một bộ phận học sinh chưa có ý thức tự học, thiếu các kĩ năng tự học, ham chơi điện thoại; thiếu động lực học tập. Còn bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc tập của con em.

- Cơ sở vật chất trường lớp học chưa đầy đủ: thiếu phòng học(phải mượn các phòng bộ môn làm phòng học); thiếu nhà đa năng, hệ thống máy tính phục học tập sử dụng được còn ít, hệ thống các thiết bị dạy học chưa đồng bộ.

- Trường lớp đang được tu sửa và làm mới, do vậy ảnh hưởng đến việc bố trí lớp học, lịch học bị xáo trộn.

- Một bộ phận giáo viên năng lực chuyên môn còn thiếu kinh nghiệm giảng dạy và trong công tác ôn tập cho học sinh.

- Giáo viên gặp khó khăn về nghiệp vụ ôn, tài liệu đặc biệt là hệ thống đề thi vào 10 các năm để làm tư liệu và luyện đề cho học sinh.

- Trình độ nhận thức của học sinh không đồng đều dẫn đến chất lượng các môn học có sự chênh lệch nhau.

- Sự ảnh hưởng của môi trường xã hội, của việc sử dụng điện thoại smastphon; sự lôi kéo, rủ rê của các anh chị, các đối tượng xấu trên mạng xã hội.

**II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện hiệu quả chương trình GDPT năm 2018 từ lớp 6 đến 9;

2. Nâng cao vị thế và uy tín, thương hiệu của nhà trường, góp phần quan trọng trong nâng cao vị thế của ngành GDĐT huyện Điện Biên Đông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương;

3. Chuẩn bị nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện, các giá trị sống, kỹ năng mềm cho học sinh, có khả năng đáp ứng hiệu quả nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội;

4. Tạo bước đột phá trong đổi mới quản trị nhà trường; xây dựng phong trào thi đua sôi nổi và cạnh tranh lành mạnh trong nhà trường, xây dựng văn hóa nhà trường;

5. Tổ chức, tham gia đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chất lượng các kỳ khảo sát chất lượng, các kỳ thi học sinh giỏi, tuyển sinh vào lớp 10. Phân tích, đánh giá kết quả các kỳ thi, khảo sát nhằm nắm bắt được trình độ, năng lực học sinh; đánh giá hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ đạo của Chi ủy, Ban giám hiệu cũng như chất lượng giảng dạy của đội ngũ giáo viên. Từ đó điều chỉnh công tác quản lý, chỉ đạo, việc tổ chức các hoạt động dạy và học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

6. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá, trong đó chú trọng việc cải tiến chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài.

7. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học. Triển khai có hiệu quả kho học liệu số, giáo án điện tử, hồ sơ sổ sách điện tử. Hướng tới giảm thiểu những hoạt động không thật sự cần thiết, tạo điều kiện để để giáo viên tập trung đầu tư thời gian, công sức vào nâng cao chất lượng dạy học.

**III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực và có hiệu quả cao về nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và nhân dân về tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà với mục tiêu giáo dục toàn diện và tích hợp, bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chuẩn bị cho học sinh cấp trung học cơ sở hệ thống kiến thức kỹ năng thiết yếu, làm nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục cho cấp trung học phổ thông; Phát triển và đảm bảo các phẩm chất, năng lực cần đạt theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2028;.

Nâng điểm trung bình chung tuyển sinh vào lớp 10 THPT so với năm 2024; Ổn định và từng bước nâng cao điểm trung bình chung các môn thi vào lớp 10 năm 2025 và các năm tiếp theo;

Nâng cao chất lượng và duy trì Chuẩn quốc gia mức độ 1.

**2. Chỉ tiêu**

**a. Chất lượng đội ngũ giáo viên**

+ Giỏi cấp tỉnh: 01 đ/c.

+ Giỏi cấp huyện: 08 đ/c.

+ Giỏi cấp trường: 16 đ/c.

Không có GV xếp loại giảng dạy trung bình, yếu.

- Kết quả đánh giá xếp loại viên chức.

- Xếp loại chất lượng viên chức:

+ Hoàn thành XSNV: 8/41 Tỷ lệ: 19,5%

+ Hoàn thành tốt NV: 32/41 Tỷ lệ: 80,5%

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 0 Tỷ lệ: 0

+ Không HTNV: 0 Tỷ lệ:

**b**. **Chất lượng giáo dục học sinh**

**\*** **Chất lượng giáo dục hai mặt:**

Có 09 học sinh khuyết tật không đánh giá trong đó Khối 6: 02HS (6A2-1, 6A3-1); Khối 7: 01 HS (7B3); Khối 8: 01HS (8C2); Khối 9: 04 HS (9D1-1, 9D2-1; 9D4-2 )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Sĩ số | Kết quả rèn luyện | | | | Kết quả học tập | | | | Ghi chú |
| Tốt | Khá | Đạt | CĐ | Tốt | Khá | Đạt | CĐ |
| 6 | 115 | 74=64,3% | 35=  30,5% | 6=5,2% | 0 | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 3KT |
| 7 | 148 | 98=66,2% | 40=27% | 10=6,8% | 0 | 9=6,1% | 66=44,6% | 69=46,6% | 4=2,7% | 1KT |
| 8 | 127 | 98=77,2% | 21=16,5% | 8=6,3% | 0 | 7=5,5% | 58=45,7% | 60=47,2% | 2=1,6% | 1KT |
| 9 | 126 | 102  =81% | 15  =11,9% | 9  =7,1% | 0 | 7=5,6% | 59=46,8% | 58=46,0% | 2=1,6% | 4KT |
| TS | 516 | 372=72,1% | 111=21,5% | 33=6,4% | 0 | 30=5,8% | 235=45,6% | 241=467% | 10=1,9% | 9 |

**\* Chất lượng bài kiểm tra, đánh giá cuối kỳ.**

- Các môn Phòng ra đề ( Toán, Văn, tiếng Anh) đạt từ 50% đạt TB trở lên.

- Các môn còn lại do trường ra đề đạt từ 70% đạt TB trở lên.

+ Giải cấp huyện: giải nhất cộng 3%; giải nhì cộng 2%; giải ba cộng 1% vào kết quả chất lượng bài kiểm tra cuối năm.

+ Giải cấp tỉnh: giải nhất cộng 9%; giải nhì cộng 7%; giải ba cộng 5%, giải khuyến khích cộng 3% vào kết quả chất lượng bài kiểm tra cuối năm

**\* Chất lượng các môn học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Môn | Tốt =% | Khá=% | Đạt=% | CĐ=% | KĐG |
| K6  (118-3KT) | Toán | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| KHTN | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| Văn | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| LS&ĐL | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| Ngoại ngữ | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| GDCD | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| Công nghệ | 7=6,1% | 52=45,2% | 54=47% | 2=1,7% | 0 |
| Tin | 7=5,9% | 54=45,8% | 55=46,6% | 2=1,7% | 0 |
| Nghệ thuật |  |  | 118=100% |  | 0 |
| GDTC |  |  | 118=100% |  | 0 |
| GDDP |  |  | 118=100% |  | 0 |
| HĐTNHN |  |  | 118=100% |  | 0 |
| K7  (149-1KT) | Toán | 9 = 6,1% | 65=43,9% | 70 = 47,3% | 4 = 2,7% | 0 |
| KHTN | 9=6,1% | 67= 45,3 | 68=46% | 4=2,6 % | 0 |
| Văn | 9=6,1% | 67= 45,3 | 68=46% | 4=2,6 % | 0 |
| LS&ĐL | 9=6,1% | 67= 45,3 | 68=46% | 4=2,6 % | 0 |
| Ngoại ngữ | 9 = 6,1 % | 70 = 47,3 % | 66 = 44,6 % | 3 = 2% | 0 |
| GDCD | 8=5,4% | 67=45,3% | 70=47% | 3=2% | 0 |
| Công nghệ | 10=6,8% | 60=40,5% | 75=50,7% | 3=2% | 0 |
| Tin | 9 = 6,1% | 65=43,9% | 70 = 47,3% | 4 = 2,7% | 0 |
| Nghệ thuật |  |  | 148=100% |  | 0 |
| GDTC |  |  | 148=100% |  | 0 |
| GDDP |  |  | 148=100% |  | 0 |
| HĐTNHN |  |  | 148=10% |  | 0 |
| K8  (128-1KT) | Toán | 7= 5,5% | 58=45,7% | 60=47,2% | 2=1,6% | 0 |
| KHTN | 7= 5,5% | 58=45,7% | 60=47,2% | 2=1,6% | 0 |
| Văn | 7=5,5% | 58=45,7% | 60=47,2% | 2=1,6% | 0 |
| LS&ĐL | 7=5,5% | 58=45,7% | 60=47,2% | 2=1,6% | 0 |
| Ngoại ngữ | 7 = 5,5% | 60 = 47,3% | 58 = 45,6 % | 2 = 1,6 % | 0 |
| GDCD | 7= 5,5% | 58= 45,7% | 60= 47,2% | 2= 1,6% | 0 |
| Công nghệ | 7= 5,5% | 58= 45,7% | 60= 47,2% | 2= 1,6% | 0 |
| Tin | 7= 5,5% | 58=45,7% | 60=47,2% | 2=1,6% | 0 |
| Nghệ thuật |  |  | 127=100% |  | 0 |
| GDTC |  |  | 127=100% |  | 0 |
| GDDP |  |  | 127=100% |  | 0 |
| HĐTNHN |  |  | 127= 100% |  | 0 |
| K9  (129-4KT) | Toán | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| KHTN | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| Văn | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| LS&ĐL | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| Ngoại ngữ | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| GDCD | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| Công nghệ | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| Tin | 7=5,6% | 58=46% | 59=46,8% | 2=1,6% | 0 |
| Nghệ thuật |  |  | 125=100% |  | 0 |
| GDTC |  |  | 125=100% |  | 0 |
| GDDP |  |  | 125=100% |  | 0 |
| HĐTNHN |  |  | 125=100% |  | 0 |

**\* Chất lượng các cuộc thi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các cuộc thi** | **Cấp huyện** | | | | **Cấp tỉnh** | | | |
| **Nhất** | **Nhì** | **Ba** | **KK** | **Nhất** | **Nhì** | **Ba** | **KK** |
| Khoa học kĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |
| HS giỏi các môn văn hóa khối 9 |  |  |  | 5 |  |  |  | 3 |
| HS thi giao lưu các môn văn hoá lớp 8 |  |  |  | 10 |  |  |  |  |
| Thi tuyển chọn VĐV cấp huyện |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng |  |  | 1 |  |  |  |  |  |

**\* Chất lượng thi vào 10**

- Môn toán: Đứng top 3 trong toàn huyện ( Năm học 2023-2024: đứng thứ 2).

- Môn Ngữ văn: Đứng top 5 trong toàn huyện ( Năm học 2023-2024: đứng thứ 6).

- Môn Ngoại ngữ: Điểm trung bình đạt 3,0 ( Năm học 2023-2024: đạt 2,8).

\* **Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS**

- Đạt tỷ lệ 100%. Trong đó xếp loại Giỏi, đạt 5,3%; Khá: 36%, còn lại Trung bình.

**IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, mục tiêu, giải pháp, lộ trình nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục và huy động các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện;

- Thực hiện tốt trách nhiệm phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh nhằm phát triển năng lực và chẩm chất người học, đồng thời thể hiện tốt vai trò giám sát, phản biện của gia đình, cộng đồng đối với giáo dục để thúc đẩy giáo dục phát triển nhanh, bền vững;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về công tác nâng cao chất lượng giáo dục đại trà thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, qua hệ thống thông tin của nhà trường và các phương thức khác;

- Bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có. Tổ chức rà soát, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

**2. Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh.**

a. Đối với nhà trường

- Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch giáo dục năm học 2023 – 2024 trên cơ sở các văn bản thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch thời gian năm học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Đảm bảo đủ số tiết/ năm học quy định trong trường trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7,8 và chương trình hiện hành đối với lớp 9.

- Chương trình ở mỗi khối lớp được bố trí phù hợp trong cả năm học, đảm bảo tính khoa học, không gây áp lực đối với học sinh, bố trí đội ngũ phù hợp với năng lực, sở trường và đảm bảo tính công bằng.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của nhà trường phát huy tính chủ động, linh hoạt, thực hiện đảm bảo chương trình, khai thác và sử dụng có hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học để đạt hiệu quả.

- Tổ chức tập huấn, thảo luận, thống nhất về chương trình, phương pháp dạy học, xây dựng yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng học sinh với việc phân loại đối tượng dạy học; mục tiêu xây dựng được lượng hóa, cụ thể hóa, xây dựng mục tiêu cần đạt của các môn học.

- Ngay từ đầu năm nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, kế hoạch ôn vào 10, kế hoạch ôn học sinh giỏi, kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục…phù hợp với đối tượng học sinh và sát với thực tế, có tính khả thi, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung nếu trong quá trình thực hiện chưa thấy hiệu quả. Kế hoạch được nhóm chuyên môn kiểm tra, tư vấn, được phê duyệt của BGH.

- Phát huy tốt hơn nữa vai trò của tổ chuyên môn trong việc thực hiện chương trình, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các PPDH và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực.

- Chỉ đạo tổ CM tăng cường sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, chú trọng vào xây dựng kế hoạch bài dạy.

- Thực hiện triệt để trong đổi mới phương pháp dạy - học, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, tăng cường tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

b. Đối với tổ chuyên môn

- Tổ chức phân công nhóm chuyên môn trao đổi, thảo luận xây dựng kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch nâng cao chất lượng môn học trên cơ sở bám sát mục tiêu chương trình cấp học, phù hợp với đối tượng học sinh, với điều kiện thực tế nhà trường.

- Thảo luận, thống nhất xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

- Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tháo gỡ các vấn đề khó. Tăng cường hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để giáo viên có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm trong dạy học các môn theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

c. Đối với giáo viên

- Tích cực tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực.

- Chủ động nghiên cứu, trao đổi, thống nhất trong xây dựng kế hoạch giáo dục môn học.

Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng và các kế hoạch khác theo yêu cầu phù hợp với điều kiện, năng lực học sinh.

**3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục**

a. Về đội ngũ.

Phát huy sự đông đủ, đảm bảo về cơ cấu bộ môn của đội ngũ Gv trong nhà trường. Phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn và năng lực, sở trường.

Tạo điều kiện để GV có điều kiện hoàn thiện trình độ chuẩn đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn thông qua tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng, thông qua công tác bồi dưỡng của nhà trường. Tạo dựng được đội ngũ giáo viên có chuyên môn, kinh nghiệm tốt thành các giáo viên cốt cán của trường, của ngành.

Đẩy mạnh công tác BDCM, nghiệp vụ cho Gv đảm bảo 100% GV đạt chuyên môn khá trở lên

Đẩy mạnh và nhân rộng các cá nhân có kinh nghiệm trong công tác BD, ôn tập cho học sinh nhất là trong công tác đào tạo chất lượng mũi nhọn.

b. Sách giáo khoa và tài liệu học tập

Đảm bảo đủ sách giáo khoa cho học sinh trước năm học mới, cung ứng sách giáo khoa cho học sinh đầy đủ, kịp thời trước khai giảng năm học 2024-2025 và chuẩn bị cho các năm học tiếp theo, bảo đảm kịp thời, chất lượng, đúng quy định; Tham gia tập huấn sử dụng sách giáo khoa đầy đủ.

c. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

Đảm bảo trường, lớp học, nhà nội trú, bán trú, nhà công vụ; về trang thiết bị, cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, đầy đủ phục vụ dạy và học; Tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để có thể tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình.

Rà soát cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện có, đồng thời huy động các nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ sở vật chất.

d. Đảm bảo kinh phí tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ; kinh phí cho các hoạt động chuyên môn (các kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, thăm quan học hỏi kinh nghiệm chuyên môn, …).

**4. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh.**

- Việc đánh giá học sinh cần bám sát vào các văn bản hướng dẫn, đảm bảo khách quan, chính xác.

- Tiến hành xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, nội dung kiểm tra phải thể hiện rõ các mức độ nhận thức, phát huy được phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra của nhà trường; sử dụng hiệu quả tránh tình trạng giáo viên chủ quan, học sinh học lệch, học tủ.

- Tổ chức kiểm tra, chấm kiểm tra nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan, chính xác.

**5. Phân loại, tổ chức dạy học theo năng lực của học sinh**.

- Giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyện vọng, năng lực của học sinh về môn học để tổ chức dạy học phù hợp, hiệu quả; có kế hoạch bồi dưỡng phù hợp, tạo nên tính hiệu quả trong dạy - học.

- GV thực hiện lập kế hoạch cải tiến chất lượng trên cơ sở nền tảng của chất lượng năm học 2023-2024; từ đó tổ chức thực hiện các biện pháp cải tiến theo từng giai đoạn trong năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng học sinh.

- Phân loại đối tượng để có phương pháp bồi dưỡng hiệu quả, tránh nhàm chán, quan tâm, hướng dẫn học sinh tự học. Có biện pháp đối với từng đối tượng học sinh cho phù hợp.

- Tổ chức thảo luận, thống nhất nội dung ôn tập bám sát kiến thức theo mục tiêu chi tiết của môn học.

- Phát huy tác dụng của các câu lạc bộ yêu thích theo môn học: đẩy mạnh về số lượng tham gia và chất lượng hoạt động của từng câu lạc bộ. Từ đó tạo ra các nhân tố học sinh có tố chất theo môn học.

**6. Nâng cao hiệu quả hoạt động sinh hoạt chuyên môn**

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng đảm bảo chất lượng, hiệu quả, thiết thức tránh hình thức, thực hiện theo hướng nghiên cứu bài học.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm/ trường ít nhất 1 lần/ học kì/ môn học. Lựa chọn nội dung thiết thực, phù hợp.

- Tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục nhằm đảm bảo phù hợp từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.

- Nội dung sinh hoạt chuyên môn cần được đẩy mạnh theo hướng dạy hoc tích cực phát huy phẩm chất năng lực hoc học sinh: đặc biệt trong việc áp dựng các hình thức dạy học Stem, dạy học theo dự án…tăng cường tính thực hành, vận dụng cho học sinh vào thực tiễn.

- Xây dựng kế hoạch thao giảng đẩy mạnh công tác dự giờ, chuyên đề nhất là đối với giáo viên trẻ mới ôn thi vào 10, ôn học sinh giỏi.

**7. Đẩy mạnh triển khai công tác quản lý chất lượng và ứng dụng CNTT**

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy và học. Triển khai có hiệu quả kho học liệu số, giáo án điện tử, hồ sơ sổ sách điện tử. Hướng tới giảm thiểu những hoạt động không thật sự cần thiết, tạo điều kiện để để giáo viên tập trung đầu tư thời gian, công sức vào nâng cao chất lượng dạy học.

**8. Tăng cường công tác quản lí, chỉ đạo**

- Căn cứ nhiệm vụ năm học và các văn bản hướng dẫn của các cấp, xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả.

- Tham mưu kịp thời với cấp trên về những tồn tại, hạn chế, khó khăn trong quá trình thực hiện để cùng nhau tìm hướng giải quyết.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn tham gia tập huấn, chuyên đề theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lí chỉ đạo của tổ chuyên môn, việc thực hiện của giáo viên để có điều chỉnh kịp thời nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch.

**9. Làm tốt công tác đánh giá, xếp loại, công tác thi đua khen thưởng.**

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, bình xét thi đua của nhà trường đảm bảo tính toàn diện, tính đo lường được và tạo động lực phát triển.

- Thực hiện đánh giá, bình xét dân chủ, khách quan, chí chí công vô tư đảm bảo sự công bằng.

**10. Thực hiện tốt công tác công khai, dân chủ trong trường học**

Thực tế, mọi mâu thuẫn, mất đoàn kết và tạo sức ỳ trong đơn vị phần lớn là do không làm tốt công tác công khai, dân chủ. Do đó để xây dựng khối đoàn kết nội bộ, tạo động lực phát triển cần thực hiện tốt công tác công khai và dân chủ.

Công khai, dân chủ cần thực hiên trong tất cả các lĩnh vực, tránh hình thức.

**11. Tăng cường phối hợp với phụ huynh, thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong giáo dục**

- Làm tốt công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận của phụ huynh học sinh trong việc đổi mới thực hiện CTGDPT 2018, dạy buổi 2, dạy ôn thi vào 10.

- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường với phụ huynh học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh với phụ huynh và ngược lại.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong giáo dục nhằm huy động mọi nguồn lực (tài chính, vật chất, công sức…) trong xã hội trong xây dựng và phát triển nhà trường.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Đối với ban giám hiệu**

- Tiếp tục quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Chỉ thị thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành. Làm tốt công tác tư tưởng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, tổ chức rà soát đánh giá năng lực của giáo viên từ đó bố trí phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, trình độ của giáo viên.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học. Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sát với thực tế, hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục môn học phù hợp với đối tượng học sinh.

Xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch giáo dục nhà trường; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm về việc thực hiện kế hoạch.

- Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu về đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học.

**2. Đối với tổ chuyên môn.**

- Triển khai kịp thời và có hiệu quả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp liên quan đến chuyên môn.

- Xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch của tổ chuyên môn. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch của nhà trường, của tổ.

- Giải đáp kịp thời những vướng mắc của các thành viên trong tổ. Phát huy tốt năng lực của từng thành viên.

- Tham mưu, đề xuất kịp thời những giải pháp của giáo viên, của tổ trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

**3. Đối với giáo viên**

- Thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học môn học, kế hoạch nâng cao chất lượng môn và các nhiệm vụ được phân công.

*( Có kế hoạch từng môn đính kèm).*

- Thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm các kế hoạch đã xây dựng.

- Kiến nghị kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện, đồng thời đề xuất kịp thời các giải pháp.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, phụ huynh học sinh để thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục %.

Trên đây là Kế hoạch Nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025. Đề nghị các tổ chức đoàn thể và cá nhân trong nhà trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, triển khai thực hiện nhằm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBND xã  - Phòng GDĐT;  - Các tổ chức đoàn thể, Tổ trưởng, GV;  - Lưu: VT. | **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  (Đã kí) |
|  | **Lê Thị Anh Tú** |

**PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG**